TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS–ST
Ngày 14-9-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST–DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐST–DS ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Chị Đặng Quỳnh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp ANA, xã T, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2/. Bị đơn: Anh Phan Minh Q, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp QĐB, xã QĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên ông D có cho ông Q vay tiền để làm ăn. Cụ thể là: Ngày 08/01/2022 ông Q vay của ông D số tiền là 350.000.000 đồng ông Q có ký tên vào giấy Biên nhận mượn nợ cho ông D. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời gian vay là 06 tháng kể từ ngày ký giấy Biên nhận ngày 08/01/2022. Phương thức thanh toán được thực hiện là "trả lãi hàng tháng và tiền gốc khi đến hạn". Nng kể từ ngày ông D giao tiền đến nay ông Q không thực hiện N thỏa thuận với ông D. Ngày 23/11/2022 ông D cho ông Q vay tiếp số tiền là 300.000.000

đồng, ông Q có ký tên trong Giấy mượn tiền cho ông D. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời gian vay là 02 tháng kể từ ngày ký giấy Giấy mượn tiền ngày 23/11/2022. Phương thức thanh toán hai bên thoả thuận là "trả lãi hàng tháng và tiền gốc khi đến hạn". Nng kể từ ngày giao tiền đến nay ông Q không thực hiện N thỏa thuận với ông D, không trả vốn và lãi N cam kết. Tổng cộng số tiền ông Q nợ ông D là 650.000.000 đồng. Hai giấy mượn tiền nêu trên đều do ông Q tự viết và ký nhận tiền với ông D.

Ông D yêu cầu Toà án nhân dân huyện TP giải quyết:

- Ông D tự nguyện rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Q phải có có nghĩa vụ trả lãi phát sinh là 129.666.666 đồng.

- Buộc ông Phan Minh Q có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 650.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phan Minh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo Nng ông Phan Minh Q vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Minh Q hiện cư trú tại ấp Quí Đức B, xã QĐ, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Minh Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự Nng ông Phan Minh Q đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[4] Xét yêu cầu của ông D về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ trả cho ông Q nợ lãi là 129.666.666 đồng. Xét thấy: Việc rút yêu cầu khởi kiện này ông D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là 01 bản gốc "Biên nhận mượn nợ" ngày 08/01/2022 và "Giấy mượn tiền" ngày 23/11/2022 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với bị đơn Phan Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vắng mặt không có

lý do nên bị đơn ông Phan Minh Q đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Văn D giao nộp để xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền 650.000.000 đồng. Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa ông D với ông Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ nên cần buộc ông Q có trách nhiệm trả cho ông D số tiền là 650.000.000 đồng là phù hợp.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Minh Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Minh Q phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn D nợ lãi là 129.666.666 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D. Buộc ông Phan Minh Q phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 650.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi nên được miễn nộp.

- Ông Phan Minh Q phải có nghĩa vụ nộp là 30.000.000 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân